

TRI THỨC DÂN GIAN BẢO VỆ RỪNG CỦA NGƯỜI THÁI TỈNH SƠN LA

Cà Chung^{1*}, Phạm Anh Tuấn²

²Trường Đại học Tây Bắc

³Trung tâm Nghiên cứu Đa dạng sinh học và Môi trường – Trường Đại học Tây Bắc

¹Email: chungca@gmail.com

Tóm tắt: Sơn La là một trong các tỉnh có nhiều rừng, đây là lá phổi chung của nhân dân cả vùng và cả nước. Rừng có vai trò hết sức quan trọng đối với dân tộc Thái, đời sống của họ gắn bó và phụ thuộc vào rừng. Trải qua hàng ngàn năm sống với núi rừng, họ đã hiểu được các quy luật của tự nhiên, hiểu được tác hại của sự khai thác quá mức các tài nguyên thiên nhiên. Từ đó, họ đã có những tập quán rồi nâng lên thành luật tục bảo vệ rừng, bảo vệ thiên nhiên; thần thánh hóa và thêu dệt nên sự huyền bí cho luật tục, nhằm răn đe những ai muốn xâm phạm hệ sinh thái bền vững của tự nhiên. Chính những điều ấy đã ngẫu nhiên biến những cánh rừng thiêng trở thành nơi trú ngụ an toàn của nhiều loài động, thực vật quý hiếm. Và hệ sinh thái rừng bền vững đã tồn tại cùng họ cho đến những thập kỷ gần đây. Những tri thức dân gian (tập quán, luật tục, tín ngưỡng,...) đầy tính khoa học và nhân văn đó nếu được kết hợp với luật pháp, sẽ trở thành công cụ bảo vệ rừng, bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên rất hiệu quả.

Từ khóa: Tri thức dân gian, bảo vệ rừng, người Thái, Sơn La.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sự sống trên trái đất hình thành và tồn tại là nhờ bầu khí quyển. Khí quyển hoạt động với cơ chế như một tấm chăn thông minh. “Tấm chăn” bao bọc trái đất cho phép tia nắng mặt trời đi vào bầu khí quyển, mang nhiệt đến bề mặt trái đất và giữ nhiệt ổn định cho trái đất. Nhưng khi hàm lượng khí CO₂ trong khí quyển tăng lên, nó sẽ ngăn cản sự bức xạ nhiệt của trái đất, làm cho trái đất nóng lên dẫn đến biến đổi khí hậu. Khí CO₂ sinh ra khi đốt nhiên liệu tại các nhà máy, khu công nghiệp, ô tô, xe máy, tàu thủy,... Vậy để hạn chế sự nóng lên của trái đất cần phải giảm lượng khí CO₂ trong khí quyển. Đi đôi với việc cắt giảm việc phát thải khí CO₂ vào khí quyển cần phải có mới làm được điều đó. Rừng là bể chứa, hấp thụ và lưu giữ khí CO₂. Trong quá trình quang hợp, cây xanh hút khí CO₂ từ khí quyển để tạo nên cơ thể sống. Điều đó có nghĩa là, nếu diện tích rừng tăng lên, lượng khí CO₂ từ khí quyển sẽ giảm xuống. Vì vậy, rừng đóng vai trò rất quan trọng đối với sự ổn định khí hậu và sự sống trên trái đất.

Tỉnh Sơn La có diện tích lớn thứ 3 cả nước, nằm ở trung tâm vùng Tây Bắc, diện tích tự nhiên toàn tỉnh 14.123,5 km², sau tỉnh Nghệ An và Gia Lai, gấp khoảng 3 lần diện tích trung bình cấp tỉnh ở Việt Nam, gấp 10 lần tỉnh Vĩnh Long và thành phố Cần Thơ, gấp 5 lần Hà Nội, Bình Thuận, gấp 2 lần tỉnh Yên Bái và Bình Phước, gấp 17 lần tỉnh Bắc Ninh. Sơn La bằng 4,3 % tổng diện tích cả nước và 38 % vùng Tây Bắc. Tỉnh Sơn La có diện tích tương đương Đông Timor, gấp 3 lần Brunei và gần 10 lần Singapore. Sơn La là một trong những tỉnh có nhiều rừng nhất trong cả nước. Đã hàng ngàn đời nay, người dân Sơn La luôn gắn bó với rừng, sống nhờ vào rừng, coi rừng như là một nguồn sống thiêng liêng để nương nhờ và tồn tại. Vì vậy từ rất sớm, họ đã ý thức được vai trò của rừng và đã có những tập quán, luật tục, tín ngưỡng,... rất nhân văn để quản lý và bảo vệ rừng. Đó là những tri thức dân gian.

Tri thức dân gian là những kinh nghiệm được thử thách và đúc rút qua nhiều thế hệ ở các cộng đồng cư dân qua thực tiễn sản xuất và đời sống. Trải qua hàng ngàn năm, các cộng đồng dân cư đã tích góp các thông tin, các kỹ năng, tay nghề và công nghệ trong trồng trọt, chăn nuôi, bảo quản và chế biến lương thực, thực phẩm, quản lý



Hình 1. Vị trí tỉnh Sơn La

tài nguyên thiên nhiên,... Tri thức dân gian được hình thành và phát triển là kết quả tương tác của nhiều yếu tố: Dân số, kinh nghiệm, phong tục tập quán, chuẩn mực đạo đức, thể chế và cơ cấu xã hội,... Đó là kết quả tích lũy những kinh nghiệm to lớn thông qua quá trình tiếp xúc với thiên nhiên, dưới áp lực chọn lọc trong quá trình tiến hóa sinh quyển và dần dần trở thành thói quen truyền thống. Tri thức dân gian của một cộng đồng, một dân tộc, phản ánh tính thích ứng với những điều kiện kinh tế - xã hội và sinh thái đặc thù. Tri thức dân gian được hình thành và đạt được tại chỗ nhưng cũng có bản chất năng động, bị ảnh hưởng lặp đi lặp lại bởi cả khả năng phát minh và nghiên cứu bên trong của người sử dụng, bởi sự tương tác với hệ thống bên ngoài [7]. Một trong những yếu tố cốt lõi của khái niệm này nằm ở sự liên tục và kế thừa của những kiến thức và thực hành phát triển theo thời gian, được thu thập qua kinh nghiệm nhiều năm của người dân địa phương và được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác [8].

Như vậy, tri thức dân gian đều là những thứ phải học, phải tiếp xúc mới có được, là những thứ được chia sẻ, là một hệ thống các đặc thù có tính thích ứng cao. Những tri thức này là tài sản quốc gia vô giá, có thể giúp ích rất nhiều cho quá trình phát triển, ít tốn kém và có sự tham gia của người dân để đạt tới một hệ thống bền vững.

Với khuôn khổ bài viết này, chúng tôi xin được nêu: Vai trò của rừng đối với đời sống của con người, các yếu tố liên quan đến khai thác rừng, các loại rừng và tập quán, tín ngưỡng liên quan đến việc bảo vệ rừng của người Thái tỉnh Sơn La.

2. NỘI DUNG

2.1. Vai trò của rừng đối với đời sống người dân

Người Thái coi rừng là ô, là tóc của đất (*Pá lô phôm, lô xư pây đin*) [3]. Đất hết rừng nước cạn, ngàn hết cây lạch khô, đất hết cây đất chết, đất chết thì hết sự sống (*Đin mét pá nặm hành, pũ mét may đin tài, đin tài tễnh lái báu nằng đảy*) [3].

Rừng rất cần cho sự sống con người. Rừng là nguồn tích nước; là mồi thức ăn:

Cắm khâu dú nằng đin,

Cắm kìn dú nằng pá [3]

(Miếng com ở trong đất.

Thức ăn ở trong rừng).

Cắm kìn phủ tạo dú nằng hình, nằng xá

Cắm kìn đên pay dú nằng pá, nằng pũ [6]

(Miếng ăn của quan ở trong tù, trong chạn

Miếng ăn dân thường thì ở núi, ở rừng).

Rừng còn là nguồn nhiên liệu thấp sáng, thổi nấu, rèn đúc; là nguồn vật liệu xây dựng, đồ dùng; là nguồn dược liệu để chữa bệnh, bồi bổ sức khỏe, kéo dài tuổi thọ,... Ông cha khuyên bảo, vào rừng chớ chém quàng, chặt bậy, để cho cây nó to, đất mát, lúc cần thiết mới chặt, mới đốt.

Trước đây muốn được công nhận một đơn vị hành chính là *mường*. Bất cứ *mường* nhỏ hay *mường* to, ngoài dân số, đất canh tác buộc phải có 05 cánh rừng và 01 cái ao chung của *mường*. Năm cánh rừng đó là: Rừng vào *mường* (*đông tu tí*), rừng ra *mường* (*đông tu xưá*), rừng cúng (*đông xên*), rừng kiêng (*đông cãm*), rừng ma (*pá heo*).

Nếu 05 khu rừng này đều có đàn vượn đua nhau hót líu lo thì được chọn làm *mường* yên ổn ấm no.

Năng nĩ, nộc, quang, phăn, het

Ngoang hợng xánh đông luông

Chắng men puông muông hắng [3]

(Vượn, chim, nai, hoẵng, tê giác

Ve ngân say rừng già

Mới là *mường* giàu sang).

Rừng không chỉ là nơi cung cấp tài nguyên, lương thực, thực phẩm và điều hoà môi trường sống mà còn có chức năng thông tin (thông tin môi trường, thông tin xã hội, thông tin văn hóa,...). Trong đó, *những thông tin về văn hóa đóng vai trò rất quan trọng*. Thông qua việc tìm hiểu các tập quán và cách ứng xử của người Thái và các dân tộc sống quanh rừng với tài nguyên rừng để tìm hiểu tri thức và kinh nghiệm dân gian của họ. Những tri thức này được

phản ánh cả trong luật tục, tập quán, ca dao, tục ngữ, trong thơ ca, truyện kể của người Thái, thấm đẫm trong các ứng xử của người Thái với rừng và thiên nhiên.

2.2. Các yếu tố liên quan đến việc khai thác rừng

Sản xuất nông nghiệp: Người Thái có truyền thống canh tác ruộng nước. Giữ rừng chính là giữ nguồn nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, với nền nông nghiệp lúa nước truyền thống từ lâu đời, với hệ thống thủy lợi “Mường - Phai - Lái - Lịn” tương đối hoàn chỉnh, người Thái đã chủ động được nguồn nước tưới tiêu cho việc trồng lúa, nuôi cá, phục vụ cuộc sống hàng ngày.

Khai thác gỗ làm nhà: Người Thái ở nhà sàn như đã xác định trong câu thành ngữ “Nhà có gác, sàn có cột” (*hườn mĩ hạn, quán mĩ xau*) [6]. Nếp nhà truyền thống được cấu trúc bởi các cây thân gỗ và tre, nứa, lợp bằng cỏ tranh. Ngôi nhà sàn thể hiện văn hóa tâm linh và chứa đựng nơi quần tụ cộng đồng những người thuộc cùng dòng máu cha ông. Việc làm nhà sàn của người Thái phải khai thác khá nhiều gỗ và lâm sản ngoài gỗ. Điều này, ảnh hưởng đến tài nguyên rừng nếu không được quản lý tốt.

Các công cụ sinh hoạt hàng ngày: Việc sử dụng gỗ và các lâm sản ngoài gỗ như mây, tre,... để làm nguyên liệu cho các nghề thủ công truyền thống, sản xuất ra các công cụ phục vụ sinh hoạt hàng ngày như mâm, chõ xôi, bàn, ghế, thuyền, bè,... cũng sử dụng lâm sản từ rừng.

Sử dụng làm thuốc chữa bệnh: Trong cộng đồng người Thái có những kiến thức để khai thác và sử dụng cây rừng làm thuốc chữa các bệnh như: đau bụng, cảm cúm, gãy xương, đau dạ dày, bệnh xơ gan, ngừa thai, chữa bệnh yếu sinh lý,... Tất cả các bộ phận của cây thuốc như rễ, thân, lá, hoa, quả,... đều được khai thác từ rừng.

Làm thực phẩm phục vụ nhu cầu hàng ngày: Trước đây, rừng chính là nơi cung cấp các loại thực phẩm cho đồng bào hàng ngày: từ các loại rau, măng, nấm được thu hái theo mùa đến các loại côn trùng, các loại thú săn bắt được,...

Cắm khâu dú nắng đìn,

Cắm kìn dú nắng pá [3]

(Miếng com ở trong đất,

Thức ăn ở trong rừng).

Làm thuốc nhuộm: Ngoài việc trồng cây chàm để nhuộm, người Thái khai thác nhiều loại cây, cánh kiến để nhuộm màu từ thiên nhiên, chủ yếu là khai thác từ rừng.

2.3. Các loại rừng và tập quán bảo vệ rừng

Luật tục của người Thái quy định: rừng phòng hộ ở đầu nguồn nước, tuyệt đối cấm khai thác; rừng dành cho việc khai thác tre, gỗ để dựng nhà, phục vụ cho các nhu cầu của cuộc sống, tuyệt đối không được chặt, đốt làm nương.

Ở mỗi Mường đều có “*minh bản nên mường*” (hòn thiêng bản mường), có nơi chôn “*đắc mường*” (cột hòn mường), có núi rừng “*rọp bóng bản mường*”. Đầu mường có “*rừng hòn chiêng*” gọi là “*Tu Xen*”, cuối mường có “*rừng hòn chiêng*” gọi là “*Tu Pọng*”, cạnh mường có khu rừng mang tên “*Chiêng Kéo*” là khu rừng tha ma của mường. Các rừng này đều là rừng kiêng cấm, không được chặt phá,... Mường nào cũng đều có những cánh rừng cấm, đó là rừng đầu nguồn, “*đông tu xưa*”, rừng ma,... Nhiều vùng còn có những khu rừng tre, rừng vầu cấm chặt phá gọi là “*pá nó hảm*” (rừng măng cấm). Sau những trận mưa đầu mùa, măng mọc rộ, người ta mới tổ chức cho cả vùng vào rừng hái măng. Sau đó lại “*đóng cửa*” đợi đến đợt măng sau hoặc mùa măng sau. Các mường xưa còn có những cánh rừng nguyên sinh, dành cho săn thú, không ai được vào đó đẵn cây, đốt cỏ. Những khu rừng “*don khuông*” (khu rừng thiêng) được coi là rừng của thần linh trú ngụ, tuyệt đối không được phá, nếu ai xâm phạm thì sẽ bị phạt nặng. Rừng chôn cất người chết (rừng ma), thì lại càng không bao giờ có ai dám vào chặt phá. Ở một số nơi, gắn liền với tập tục ma chay của họ, các cây rừng tại khu vực đó chuyên chỉ để an táng cho người chết, mỗi một người chết đi, họ sẽ vào “*rừng ma*” để chặt hạ một cây gỗ, đem về làm quan tài và nhà mồ cho người chết, nhưng khi chặt một cây thì phải trồng lại từ năm đến mười cây,...

Các bản xưa đều có rừng và được phân làm nhiều loại như sau:

- Loại thứ nhất là rừng đầu nguồn (tiếng Thái gọi là “*pá hua bố*”, “*pá hua ta*” hay “*đông ngược*”): Là nơi trú ngụ của thần thường luông (*pua ngược*). Theo quan niệm của người xưa, đây là vị thần có nhiệm vụ cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt, chính vì vậy, rừng đầu nguồn rất linh thiêng và được bảo vệ nghiêm ngặt. Việc khai thác gỗ ở những khu rừng này được nghiêm cấm hoàn toàn vì nếu đốn cây sẽ làm thần linh tức giận, ảnh

hường xấu đến việc cung cấp nước thường xuyên. Đặc biệt là những cây cổ thụ có hình thù kỳ quái được coi là “nhà” của thần (“*Ko hãy mường phá, ko bà mường bôn, mạy pên khôn, kôn pên nuôt, phít lốt bấu pên hăm*”, nghĩa là cây đa là của mường trời, cây si là của thượng đế, cây cổ thụ có râu như cụ già, cầm chặt phá) [6].

- Loại thứ hai là rừng kiêng (tiếng Thái gọi là “*đông cãm*”): Những cây trên khu rừng này hầu hết thuộc nhóm 2, nhóm 3 như: Chò chỉ, Nghiến nghệ, Đinh, Lim,... thường rất đẹp, thẳng tắp. Phía dưới tán cây, thực bì mỏng nhưng nó thường tạo nên một không gian lạnh lẽo, ghê rợn. Trước đây rừng này có nhiều thú dữ, chuyên ăn thịt người và gia súc. Người Thái quan niệm rằng, những cây gỗ cổ thụ này là do những bộ phận còn lại của người hay con thú bị hổ báo bắt đến đây ăn thịt biến thành. Nên gỗ ở đây không ai dám khai thác, vì họ sợ oan hồn những người hay thú chết sẽ trừng phạt họ.

- Loại rừng thứ ba là rừng để làm nương rẫy gọi là “*pá lấu*”: Là đất nơi bằng phẳng, rừng tái sinh. Ngày xưa, quỹ đất này khá rộng so với dân cư hồi đó, nên người ta chia ra từng khoảnh để phát nương cho từng năm. Nương năm đầu mới phát gọi là “*hay lao*”, năm thứ hai phát cỏ trông lại gọi là “*hay lộc*”, năm thứ ba phát cỏ làm lại một lần nữa gọi là “*hay lùm*”. Người Thái chủ yếu chỉ làm nương từ hai đến ba năm là “*hay lao*”, “*hay lộc*” và “*hay lùm*” (chỉ có ba loại nương này, không có loại thứ tư). Sau đó bỏ hóa cho rừng mọc tự nhiên thành “*pá lấu*”. Sau 10 - 12 năm có thể làm nương lại được. Về sau dân số tăng lên, quỹ đất ít dần, họ đã canh tác nhiều năm hơn thậm chí còn làm lâu dài hoặc vĩnh viễn. Các khái niệm “*hay lao*”, “*hay lộc*”, “*hay lùm*” dần biến mất. Thay vào đó là họ phải bón phân, chăm sóc tốt thì cây trồng mới cho thu hoạch; khác với “*hay lao*”, “*hay lộc*” không phải bón phân, chăm sóc đơn giản nhưng vẫn được thu hoạch.

- Loại thứ tư là “*pá húa*” hay “*đon húa*”: Là khu rừng có các động vật quý hiếm như: Hươu, Nai, Hoẵng, Don, Nhím,... dùng để săn bắt cộng đồng. Những cánh rừng này thường có nhiều núi đá và hang động kỳ vĩ. Rừng có nhiều cây cổ thụ và một số loài cây mọc chênh vênh trên vách đá, thiên hình vạn dạng. Luật cũ quy định: Rừng để săn bắt tuyệt đối không phát quang, không chặt những cây có quả và loại cỏ mà thú dùng làm thức ăn vì nếu chặt phá, chúng sẽ chạy đi chỗ khác hoặc tìm đến ăn lúa, hoa màu của người; không được phá bỏ những cây sống trên vách đá vì chúng là những vị thuốc quý cho các loại thú rừng.

- Loại thứ năm là “*pá đông xông kót*”: Tức là những khu rừng nơi xa khu dân cư còn nguyên nét hoang sơ. Trước đây, vì xa xôi, cách trở nên không ai đến khai phá rừng, chỉ có ít người thường đến săn bắt thú quý hoặc tìm kiếm những lâm sản quý, nhưng họ vẫn tự giác chấp hành các luật tục đã quy định, thậm chí còn làm các thủ tục xin thần linh để được săn bắt, hái lượm. Tục cũ quy định tránh săn bắt thú quý vào mùa sinh sản, không săn hết đàn, không bắt hết tổ (“*nhã kìn tễnh xáy, nhã báy tễnh hăng*”) [3]. Chính nhờ tập quán và luật tục này mà “*pá đông xông kót*” vẫn bảo tồn được các nguồn gen quý hiếm cho đến những thập kỷ gần đây.

- Loại rừng thứ sáu là rừng “*pá heo*”: Là nơi an táng người đã khuất. Ở mỗi bản hay liên bản đều giành một khoảng đất để làm nơi chôn người chết. Với rừng này, người Thái hoàn toàn kiêng kỵ việc phá rừng, chặt cây. Chỉ khi có người chết, họ mới chặt một số cây để làm nhà mồ cho người chết. Theo tập quán người Thái xưa, người mất sau khi đã chôn cất và làm nhà mồ xong là hết, không bao giờ quay lại sửa chữa, chăm sóc mộ mã như một số dân tộc khác. Ở một số nơi, gắn liền với tập tục ma chay của họ, các cây rừng tại khu vực đó chuyên chỉ để an táng cho người chết, nhưng khi chặt một cây, phải trồng lại từ 5 - 10 cây xung quanh ngôi mộ đó. Vì vậy, khu rừng ma luôn là khu rừng cổ thụ cho đến những thập kỷ gần đây.

2.4. Tín ngưỡng bảo vệ rừng

Trải qua hàng ngàn năm sống với tự nhiên, sống với núi rừng, người Thái nói riêng và người vùng núi nói chung đã hiểu được các quy luật của tự nhiên. Từ đó, họ đã đặt ra những tập quán rồi nâng lên thành luật tục bảo vệ rừng, bảo vệ thiên nhiên. Thần thánh hóa và thêu dệt nên sự huyền bí cho luật tục, nhằm răn đe những ai muốn xâm phạm hệ sinh thái bền vững của tự nhiên. Họ cho rằng khu rừng thiêng là nơi ngự trị của thần linh, đó là nơi che chở cho muôn thú mà con người không được động đến. Nếu ai xúc phạm sẽ bị thần linh trừng phạt. Nhiều nơi còn cho là: những con thú rừng bị người đi săn bắn bị thương chạy trốn vào rừng thiêng cũng được thần linh bảo vệ, người đi săn nếu đuổi con thú mà nó đã chạy vào rừng thiêng thì cũng phải dừng lại, không truy đuổi nữa,...

Mi, xua, chạng, mu lông, ngựa pá

Bả hạt lẹo nhã nãm [3]

(Gấu, hổ, voi, lợn rừng, bò tót

Bị thương rồi đừng lần theo).

Trước đây, cứ vài năm một lần, người ta phải tổ chức lễ cúng trâu tại những cánh rừng thiêng. Có nơi kết hợp với cúng thần nước với cặp trâu đen trắng. Nghi lễ cúng được các mô mường đảm nhiệm. Lễ cúng diễn ra suốt ngày, các chàng trai, cô gái nhảy múa trong tiếng cồng chiêng và hát những bài hát có ý nghĩa: cầu cho thần linh phù hộ, mưa thuận gió hoà, trồng lúa lúa tốt, trồng ngô thì được bắp to,... Một số dòng họ lớn được quản lý rừng đầu nguồn phải làm lễ cúng ở rừng cạnh mớ nước bằng con lợn hoặc đôi vịt, đôi gà để cầu xin thần linh cho nước sớm để bà con cày ruộng.

Xò nặm phồn lũng háy ká,

Xò nặm phạ lũng háy nã. [6]

(Xin nước mưa xuống làm ruộng mạ,

Xin nước trời xuống làm ruộng cấy).

Chính những điều cấm kỵ như vậy đã ngẫu nhiên biến rừng thiêng trở thành nơi trú ngụ an toàn của nhiều loài động thực vật quý hiếm và trở thành nơi bảo tồn nguồn gen, đa dạng sinh học. Bao đời rồi, người dân vùng núi vẫn sống bình yên như vậy và truyền nhau lưu giữ những điều cấm kỵ, để họ còn có được một cánh rừng già hiếm hoi, quý giá như chính sự sùng kính tổ tông và những điều thiêng liêng nhất.

Tiếc thay, giờ đây nhiều cánh rừng đã bị “giải thiêng”. Nhiều luật tục, trong đó có luật tục đầy tính nhân văn và khoa học đã bị rơi rụng theo năm tháng, nhiều quy định đã bị bãi bỏ không thương tiếc, vì cứ cho những gì thuộc về luật tục đều là lạc hậu.

Theo nhà nghiên cứu Chăm Trọng, chính từ sự hiểu biết thiên nhiên, mà người dân tộc thiểu số đã tập quán hóa sự hiểu biết ấy. Và những tập quán được nâng lên thành luật tục, để gìn giữ thiên nhiên, để tự nhiên có thể cân bằng với các nhu cầu của con người.

3. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

3.1. Kết luận

Dân tộc Thái và các dân tộc thiểu số ở Sơn La đã sống lâu đời với núi rừng, họ đã sống nhờ thiên nhiên và rất am hiểu về thiên nhiên. Chính từ am hiểu thiên nhiên, am hiểu tác hại của sự khai thác quá mức tài nguyên thiên nhiên, mà họ đã tập quán hóa sự hiểu biết ấy. Và những tập quán được nâng lên thành luật tục, để gìn giữ thiên nhiên, để tự nhiên có thể cân bằng với các nhu cầu của con người. Vì thế, trong quá trình sinh sống hàng ngàn năm, sự cân bằng sinh thái luôn được duy trì. Những cánh rừng thiêng, rừng đầu nguồn quý giá vẫn tồn tại cùng với cuộc sống của họ.

Đối với họ, rừng có vai trò hết sức quan trọng. Rừng là một trong những tiêu chí quan trọng khi chọn đất dựng bản lập mường; có rừng mới có nước cho sản xuất nông nghiệp và phục vụ mọi nhu cầu cuộc sống.

Các loại rừng chính bao gồm: Rừng đầu nguồn, rừng thiêng, rừng để cúng thần linh, rừng để cho sản xuất nông nghiệp, rừng để khai thác gỗ - lâm sản, dùng để săn bắt thú, rừng để chôn cất người chết,... Mỗi loại rừng đều có ý nghĩa, gắn bó với đời sống vật chất và tinh thần của họ.

Người Thái cũng như các dân tộc thiểu số khác rất coi trọng rừng. Họ có luật tục bảo vệ rừng khá nghiêm ngặt, kết hợp với tín ngưỡng để tạo nên sự huyền bí đối với rừng; có tập quán phân loại và bảo vệ rừng rất hiệu quả.

Những tri thức dân gian đầy tính khoa học và nhân văn khi kết hợp với luật pháp đã đạt được hiệu quả cao trong bảo vệ rừng từ đời này qua đời khác.

Ngày nay, nhiều cánh rừng đã bị khai thác quá mức, nhưng chủ yếu là các lâm tặc từ nơi khác đến khai phá. Còn người dân tại đây vẫn xót xa, luyến tiếc những cánh rừng đã từng nuôi sống họ, che chở họ suốt ngàn đời nay.

3.2. Kiến nghị

- Cần coi trọng, bảo tồn và phát huy các tri thức dân gian về bảo vệ rừng. Gắn các tập quán, tín ngưỡng và luật tục tiến bộ với pháp luật để bảo vệ rừng. Chính quyền địa phương cần phối hợp xây dựng những quy ước bảo vệ rừng phù hợp với tập quán, tín ngưỡng của các dân tộc sống ven và trong rừng phù hợp với truyền thống bảo vệ rừng, bảo vệ thiên nhiên của họ.

- Khuyến khích các hoạt động văn hóa tâm linh, tín ngưỡng dân tộc để bảo vệ và phát triển rừng như các lễ hội Xên bản, Xên mường, Hết chá, Cúng thần rừng,... vừa bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống vừa nâng cao ý thức bảo vệ rừng cho cộng đồng. Cần tạo ra các khu rừng văn hóa tâm linh chung cho cộng đồng các dân tộc cùng

tham gia các hoạt động về tâm linh, tạo điều kiện để các dân tộc được sinh hoạt văn hóa xen ghép; từ đó tăng cường mối đoàn kết truyền thống của cộng đồng các dân tộc để cùng nhau bảo vệ rừng.

- Kết hợp tri thức dân gian về bảo vệ rừng với các Chương trình, Dự án Quốc gia và địa phương về bảo vệ và phát triển rừng như: Dự án trồng và phát triển cây cao su,...

- Xây dựng các biện pháp bảo vệ rừng, trước tiên là phải bảo vệ rừng đầu nguồn thì mới có nước cho sản xuất và sinh hoạt cho dân. Hiện nay, rừng đầu nguồn nước tại nhiều nơi phần lớn là rừng tái sinh. Diện tích các khu rừng này còn ít, trong khi đó diện tích đất trồng, đòi trợ xung quanh khu rừng này thì quá nhiều. Tiếp đến là xây dựng các loại rừng tâm linh, rừng đặc dụng,... Đảng bộ và chính quyền các địa phương cần có biện pháp trồng thêm rừng xung quanh khu vực nguồn nước và các diện tích đồi núi còn để trống, bảo vệ nghiêm ngặt các khu rừng tâm linh. Đồng thời xây dựng các quy ước bảo vệ rừng, phát huy những luật tục, tập quán, tín ngưỡng tích cực nhằm bảo vệ rừng góp phần cải thiện, nâng cao đời sống về cả vật chất và tinh thần cho người dân từ việc bảo vệ và phát triển rừng.

- Tạo điều kiện cho người dân được tham gia Chương trình REDD¹⁰ (Giảm phát thải khí nhà kính từ giảm mất rừng và từ giảm suy thoái rừng) và REDD+ (Cộng thêm 3 nội dung: Bảo tồn, tăng đa dạng sinh học; Tăng cường dự trữ Carbon từ rừng; Quản lý rừng bền vững) của Liên hợp quốc: Được tham gia các Chương trình này, người dân tộc sẽ đóng một vai trò quan trọng trong nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng cũng như việc ngăn chặn nạn khai thác, vận chuyển và buôn bán gỗ bất hợp pháp, bảo vệ quyền lợi của chính người dân và góp phần tăng tính minh bạch trong quản lý rừng,... Nhà nước ta khuyến khích cộng đồng dân tộc thiểu số tham gia thực hiện REDD và REDD+. Các hoạt động phục hồi, trồng mới, tái sinh, sử dụng rừng bền vững đều có thể được tính vào việc “tăng hấp thụ và dự trữ Carbon của rừng” và sẽ được trả tiền xứng đáng. Tham gia REDD và REDD+ sẽ có cơ hội tạo thu nhập mới và bền vững cho các cộng đồng dân tộc sống gần rừng và trong rừng đồng thời cũng là cơ hội để người dân tham gia vào cuộc chiến chống biến đổi khí hậu mang lại lợi ích cho chính mình và cộng đồng thế giới.

- Xây dựng hệ thống tổ chức quản lý rừng ở cấp xã. Để tổ chức quản lý bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn các xã cần phải xây dựng hệ thống tổ chức quản lý rừng ở cấp xã nhằm tổ chức thực hiện và giám sát các hoạt động bảo vệ và sản xuất kinh doanh rừng theo các quy định của Nhà nước. Tổ chức này cần có sự tham gia của lãnh đạo xã, cán bộ phụ trách nông lâm nghiệp và đại diện các bản.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được tài trợ bởi ngân sách Nhà nước trong đề tài cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo, mã số CT.2019.06.06 (Thuộc Chương trình cấp Bộ, mã số CT.2019.06).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Vi Văn An (2008) *Các tri thức dân gian của các dân tộc thiểu số trong việc sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước*. Tạp chí Dân tộc học, số 1/2008.
- [2]. Chăm Cường (1993) *Tìm hiểu văn học dân tộc Thái ở Việt Nam*. Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
- [3]. Hoàng Trần Nghịch (2005) *Lời có vần ông cha truyền lại*. Hội liên hiệp Văn học nghệ thuật Sơn La.
- [4]. Ngô Đức Thịnh, Chăm Trọng (2003) *Luật tục Thái ở Việt Nam*. Nhà xuất bản Văn hóa dân tộc.
- [5]. Chăm Trọng (2005) *Người Thái ở Việt Nam*. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
- [6]. Các tư liệu do cá nhân sưu tầm và kiến thức nhận thức được từ xã hội.
- [7]. Flavier, Juan M., A. de Jesus, and Conrado S. Navarro. "The regional program for the promotion of indigenous knowledge in Asia." (1995).
- [8]. Sin, Yunjung. "Integrating Local Knowledge into Disaster Risk Reduction: Current Challenges and Recommendations for Future Frameworks in the Asia-Pacific." (2017).

¹⁰ REDD: Reducing Emission from Deforestation and Forest Degradation in developing countries.

FOLK KNOWLEDGE FOR FOREST PROTECTION OF THE THAI PEOPLE OF SON LA PROVINCE

Ca Chung¹, Pham Anh Tuan²

¹Tay Bac University

²Research Center for Biodiversity and Environment - Tay Bac University

*Email: chungca@gmail.com

Abstract: *Son La is one of the provinces with many forests, this is the common lung of the people of the whole region and the country. Forests play a very important role for the Thai people, their life is closely linked to and dependent on the forest. Over thousands of years living in the mountains and forests, they have understood the laws of nature and the harmful effects of overexploitation of natural resources. Since then, they have adopted customs and then raised them into customary law to protect forests and protect nature; sanctifying and weaving mysticism to customary law, to discourage those who want to encroach on the sustainable ecosystem of nature. It is these things that have coincidentally turned sacred forests into a safe haven for many rare and endangered species of animals and plants. And sustainable forest ecosystems have existed with them until recent decades. Such scientific and humanistic knowledge (customs, customary laws, beliefs ...), if combined with law, will become a tool to protect forests and protect natural ecosystems effectively.*

Keywords: *Folk knowledg.; Forest protection, Thai, Son La.*